



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001011341	Lê Ngọc	Anh	20/04/2004	NH10A	35					
2	000002	1001010759	Nguyễn Linh	Đan	07/08/2004	NH10A	35					
3	000003	1001010761	Lã Chí	Đạt	22/11/2004	NH10A	35					
4	000004	1001010081	Phạm Thị	Dịu	06/02/2004	NH10A	35					
5	000005	1001011720	Đinh Xuân	Đức	07/10/2004	NH10A	35					
6	000006	1001010766	Phan Huy	Đức	13/05/2004	NH10A	35					
7	000007	1001011688	Phạm Thị Kim	Dung	26/05/2004	NH10A	35					HP
8	000008	1001010773	Tôn Ngọc	Dương	14/05/2004	NH10A	35					
9	000009	1001011689	Bùi Đức	Duy	06/10/2004	NH10A	35					
10	000010	1001010776	Trần Mỹ	Duyên	21/08/2004	NH10A	35					
11	000011	1001010777	Trần Ngọc	Hà	10/04/2004	NH10A	35					
12	000012	1001010784	Trần Minh	Hiếu	06/12/2004	NH10A	35					
13	000013	1001010785	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	12/08/2004	NH10A	35					
14	000014	1001011351	Mai Trung	Hoàng	26/01/2004	NH10A	35					
15	000015	1001010787	Nguyễn Xuân	Hoàng	28/10/2004	NH10A	35					
16	000016	1001010791	Cầm Quế	Hương	22/07/2004	NH10A	35					
17	000017	1001010793	Vũ Lan	Hương	20/11/2004	NH10A	35					
18	000018	1001011388	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	12/07/2004	NH10A	35					
19	000019	1001011693	Hoàng Văn	Khỏe	02/04/1996	NH10A	35					
20	000020	1001010800	Nguyễn Hoàng	Lâm	07/02/2004	NH10A	35					
21	000021	1001010804	Lê Phương	Liên	21/09/2004	NH10A	35					
22	000022	1001010809	Lê Thị Thùy	Linh	01/09/2004	NH10A	35					
23	000023	1001010812	Nguyễn Diệp	Linh	25/07/2004	NH10A	35					
24	000024	1001010813	Nguyễn Hà	Linh	24/08/2004	NH10A	35					
25	000025	0810310879	Trần Thu	Huệ	25/09/2002	QT8A	35					
26	000026	0901010156	Phạm Hoàng	Thái	10/12/2003	TC9B	35					
27	000027	1001010770	Lương Anh	Dũng	22/11/2004	NH10A	36					HP
28	000028	1001010799	Phạm Duy	Kiên	14/12/2003	NH10A	36					
29	000029	1001011450	Nguyễn Thị Mai	Linh	10/02/2004	NH10A	36					
30	000030	1001020180	Trịnh Thị	Linh	08/08/2004	NH10A	36					
31	000031	1001010815	Trịnh Văn	Lộc	13/10/2004	NH10A	36					
32	000032	1001010819	Lê Phú	Lương	27/12/2004	NH10A	36					
33	000033	1001010827	Nguyễn Đức	Minh	23/03/2004	NH10A	36					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000034	1001010829	Nguyễn Trà	My	04/11/2004	NH10A	36					
2	000035	1001010832	Hà Khánh	Nam	25/12/2003	NH10A	36					
3	000036	1001010837	Trần Văn	Nhân	15/10/2004	NH10A	36					HP,ĐK
4	000037	1001010841	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	03/11/2003	NH10A	36					
5	000038	1001010842	Ngô Thế	Phát	17/11/2004	NH10A	36					
6	000039	1001011374	Nguyễn Thị Thanh	Phương	28/12/2004	NH10A	36					
7	000040	1001010851	Nguyễn Ngọc	Quân	03/10/2004	NH10A	36					
8	000041	1001011463	Ngô Thị Ngọc	Quỳnh	28/07/2004	NH10A	36					
9	000042	1001011377	Đặng Thị Thanh	Thắm	02/09/2004	NH10A	36					
10	000043	1001010859	Nguyễn Quang	Thắng	21/10/2003	NH10A	36					
11	000044	1001010861	Lê Bá	Thanh	22/03/2004	NH10A	36					
12	000045	1001010869	Hoàng Thị Minh	Thu	25/09/2004	NH10A	36					
13	000046	1001011380	Đào Thị Phương	Thư	13/11/2004	NH10A	36					HP
14	000047	1001010297	Lê Long	Thủy	15/10/2000	NH10A	36					
15	000048	1001011381	Phan Thị Hồng	Thúy	26/02/2004	NH10A	36					
16	000049	1001010876	Vũ Huy	Tiến	08/06/2004	NH10A	36					
17	000050	1001010877	Đinh Đức	Toàn	14/07/2004	NH10A	36					
18	000051	1001011458	Hoàng Bảo	Trân	01/12/2003	NH10A	36					
19	000052	1001010880	Bùi Thị Thùy	Trang	13/05/2004	NH10A	36					
20	000053	1001010882	Lưu Huỳnh Thùy	Trang	08/12/2004	NH10A	36					
21	000054	1001010883	Lý Thùy	Trang	30/12/2004	NH10A	36					
22	000055	1001010886	Vũ Thanh	Trúc	08/03/2004	NH10A	36					
23	000056	1001010887	Nguyễn Quốc	Tuấn	09/03/2003	NH10A	36					
24	000057	1001010888	Lương Ngọc	Tùng	16/12/2004	NH10A	36					
25	000058	1001011456	Hoàng Mỹ	Anh	09/11/2004	TC10A	37					
26	000059	1001011457	Nguyễn Phương	Anh	25/12/2004	TC10A	37					
27	000060	1001010753	Nguyễn Tuấn	Anh	30/10/2004	TC10A	37					
28	000061	1001010755	Quách Duy	Anh	25/10/2004	TC10A	37					
29	000062	1001011387	Nguyễn Thị	Chuyên	09/03/2004	TC10A	37					
30	000063	1001010762	Nguyễn Tiến	Đạt	26/05/2004	TC10A	37					
31	000064	1001010763	Lê Ngọc	Diệp	10/06/2004	TC10A	37					
32	000065	1001010765	Nguyễn Hoàng	Đức	20/10/2004	TC10A	37					
33	000066	1001010767	Nguyễn Mỹ	Dung	11/11/2004	TC10A	37					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000067	1001010437	Vũ Hồng	Hạnh	29/05/2004	TC10A	37					
2	000068	1001010783	Lương Trung	Hiếu	09/09/2004	TC10A	37					
3	000069	1001011236	Bùi Thị	Hương	10/10/2003	TC10A	37					
4	000070	1001010797	Lê Anh	Khánh	03/09/2004	TC10A	37					
5	000071	1001010798	Phạm Duy	Khiêm	26/04/2004	TC10A	37					
6	000072	1001010801	Nguyễn Tùng	Lâm	26/09/2004	TC10A	37					
7	000073	1001010803	Cao Ngọc	Lan	19/08/2004	TC10A	37					
8	000074	1001011363	Nguyễn Thảo	Linh	19/10/2003	TC10A	37					
9	000075	1001011365	Hàn Ngọc	Long	13/12/2004	TC10A	37					
10	000076	1001010818	Trịnh Phúc	Long	17/04/2004	TC10A	37					
11	000077	1001011393	Trần Khánh	Ly	31/03/2003	TC10A	38					
12	000078	1001011453	Đào Ngọc	Minh	18/07/2004	TC10A	38					
13	000079	1001010828	Nguyễn Lương	Minh	02/08/2004	TC10A	38					
14	000080	1001010834	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	15/09/2004	TC10A	38					
15	000081	1001010835	Phạm Hồng	Ngọc	20/04/2004	TC10A	38					
16	000082	1001010229	Đỗ Thị Thảo	Nhi	23/01/2004	TC10A	38					
17	000083	1001010844	Trần Hoàng	Phong	09/05/2004	TC10A	38					
18	000084	1001010849	Đỗ Minh	Quân	02/02/2004	TC10A	38					
19	000085	1001010852	Lê Phú	Quý	03/08/2003	TC10A	38					
20	000086	1001010905	Phạm Trọng	Tài	16/12/2004	TC10A	38					
21	000087	1001010862	Nguyễn Tiến	Thành	26/05/2004	TC10A	38					
22	000088	1001010864	Hoàng Thị	Thảo	15/04/2003	TC10A	38					
23	000089	1001010868	Lý Trí	Thiên	03/09/2004	TC10A	38					
24	000090	1001010870	Vũ Minh	Thu	25/02/2004	TC10A	38					
25	000091	1001010871	Đỗ Thu	Thuận	26/12/2002	TC10A	38					
26	000092	1001010873	Nguyễn Thu	Thủy	15/12/2004	TC10A	38					
27	000093	1001010878	Lê Quang	Toàn	17/03/2004	TC10A	38					
28	000094	1001011383	Bùi Phương	Trang	23/12/2004	TC10A	38					
29	000095	1001010881	Hà Thị Thu	Trang	08/02/2004	TC10A	38					
30	000096	1001010889	Nguyễn Phương	Uyên	13/07/2004	TC10A	38					HP
31	000097	1001010890	Lăng Quốc	Việt	29/10/2004	TC10A	38					
32	000098	0901010354	Nguyễn Thu	Hằng	29/09/2003	QT9B	39					
33	000099	1001011337	Nguyễn Thị Tường	An	10/03/2004	TC10B	39					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000100	1001011340	Hoàng Quỳnh	Anh	19/01/2004	TC10B	39					
2	000101	1001011441	Nguyễn Đào Vi	Anh	22/09/2001	TC10B	39					
3	000102	1001010750	Nguyễn Ngọc	Anh	20/11/2004	TC10B	39					
4	000103	1001010752	Nguyễn Trần Quỳnh	Anh	10/08/2004	TC10B	39					
5	000104	1001010754	Phạm Mai Quỳnh	Anh	11/06/2004	TC10B	39					
6	000105	1001010756	Vũ Hoàng	Anh	12/10/2004	TC10B	39					
7	000106	1001010757	Hán Mạnh	Cường	17/05/2004	TC10B	39					
8	000107	1001011687	Đặng Hà	Đông	01/12/2004	TC10B	39					
9	000108	1001010780	Nguyễn Minh	Hải	26/04/2004	TC10B	39					
10	000109	1001011348	Lộc Tuyết	Hậu	27/08/2004	TC10B	39					
11	000110	1001011739	Lê Xuân	Hòa	09/08/2004	TC10B	39					
12	000111	1001010786	Nguyễn Văn	Hoàn	29/12/2004	TC10B	39					
13	000112	1001011692	Đỗ Thị	Hường	02/12/2004	TC10B	39					
14	000113	1001010794	Nguyễn Khánh	Huyền	04/11/2004	TC10B	39					
15	000114	1001010795	Nguyễn Ngọc	Huyền	06/09/2004	TC10B	39					
16	000115	1001010796	Phạm Thị Thanh	Huyền	25/06/2004	TC10B	39					
17	000116	1001011359	Nguyễn Thị	Lam	14/11/2004	TC10B	39					
18	000117	1001010802	Nguyễn Tùng	Lâm	12/03/2004	TC10B	39					
19	000118	1001030597	Đoàn Gia	Linh	14/10/2003	TC10B	39					
20	000119	0901010988	Nguyễn Đức	Hiếu	28/05/2002	TC9A	39					HP,ĐK
21	000120	0810121597	Lê Quỳnh	Anh	07/03/2002	NH8A	40					HP
22	000121	0810120528	Nguyễn Thái	Minh	09/05/2000	NH8A	40					
23	000122	1001010821	Nguyễn Khoa	Lý	12/08/2004	TC10A	40					ĐK
24	000123	1001010811	Ngô Hoàng Thùy	Linh	05/08/2004	TC10B	40					
25	000124	1001010817	Mã Đức	Long	13/12/2004	TC10B	40					
26	000125	1001010820	Nguyễn Khánh	Ly	18/06/2004	TC10B	40					
27	000126	1001010826	Lê Hoàng	Minh	21/09/2004	TC10B	40					ĐK
28	000127	1001010831	Đặng Xuân	Nam	23/11/2004	TC10B	40					
29	000128	1001010215	Trần Trọng	Nghĩa	05/10/2004	TC10B	40					
30	000129	1001010840	Mã Thảo	Nhi	25/01/2004	TC10B	40					
31	000130	1001010848	Trần Mai	Phương	29/12/2004	TC10B	40					
32	000131	1001010850	Nguyễn Hoàng	Quân	27/08/2004	TC10B	40					
33	000132	1001010855	Vũ Ngọc	Son	24/07/2004	TC10B	40					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000133	1001010857	Hoàng Hà Băng	Tâm	10/08/2004	TC10B	40					
2	000134	1001010867	Phạm Phương	Thảo	13/02/2004	TC10B	40					
3	000135	1001011460	Đỗ Đức	Thịnh	05/01/2004	TC10B	40					
4	000136	1001011455	Hoàng Hà Anh	Thư	26/02/2004	TC10B	40					
5	000137	1001011467	Đàm Phương	Thùy	19/10/2004	TC10B	40					
6	000138	1001010879	Hà Ngọc	Trà	02/05/2004	TC10B	40					
7	000139	1001011454	Đặng Quỳnh	Trang	07/10/2002	TC10B	40					
8	000140	0901010764	Lê Thị Kiều	Trang	16/01/2003	TC10B	40					
9	000141	1001010891	Hoàng Anh	Vũ	26/08/2004	TC10B	40					
10	000142	1001010894	Nguyễn Thị	Xuân	09/05/2004	TC10B	40					
11	000143	1001030460	Lý Quốc	An	27/07/2004	QT10A	41					
12	000144	1001030463	Chu Thị Hải	Anh	10/07/2004	QT10A	41					
13	000145	1001030467	Đỗ Thị Phương	Anh	15/01/2004	QT10A	41					
14	000146	1001030469	Hà Vân	Anh	27/08/2004	QT10A	41					
15	000147	1001030473	Nguyễn Đức	Anh	19/05/2004	QT10A	41					
16	000148	1001030478	Nguyễn Phương	Anh	30/09/2004	QT10A	41					
17	000149	1001031710	Trần Thị Lan	Anh	05/11/2004	QT10A	41					
18	000150	1001030492	Vũ Xuân	Anh	03/03/2004	QT10A	41					
19	000151	1001030494	Đoàn Thị Ngọc	Ánh	01/02/2004	QT10A	41					HP
20	000152	1001031195	Lã Thị Phương	Ánh	14/08/2004	QT10A	41					
21	000153	1001031198	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	14/04/2004	QT10A	41					
22	000154	0901030556	Nguyễn Thị Minh	Ánh	06/10/2003	QT10A	41					
23	000155	1001031204	Nguyễn Thị Minh	Chi	08/03/2004	QT10A	41					
24	000156	1001030501	Vì Ngọc Hương	Chi	06/01/2004	QT10A	41					
25	000157	1001030949	Hoàng Thanh	Chúc	21/12/2004	QT10A	41					
26	000158	1001030512	Nguyễn Thành	Đạt	27/08/2004	QT10A	41					
27	000159	1001030515	Mai Hồ Ngọc	Diệp	24/11/2004	QT10A	41					
28	000160	1001030526	Đoàn Vân	Dung	04/09/2004	QT10A	41					
29	000161	1001030529	Lê Tùng	Dương	19/06/2004	QT10A	41					
30	000162	1001030532	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	05/08/2004	QT10A	41					
31	000163	1001030536	Nguyễn Thị Thu	Hà	28/08/2003	QT10A	41					
32	000164	1001031468	Nguyễn Thu	Hà	17/08/2003	QT10A	41					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000165	1001031451	Bùi Thị Mỹ	Hạnh	29/10/2004	QT10A	41					
2	000166	1001030551	Phạm Thị	Hậu	19/01/2003	QT10A	41					
3	000167	1001030557	Nguyễn Ngọc	Hiếu	28/06/2004	QT10A	41					
4	000168	1001030563	Hàn Thị Bích	Hoài	24/10/2004	QT10A	41					
5	000169	1001031638	Lê Việt	Hoàng	12/07/2003	QT10A	41					
6	000170	1001031233	Nguyễn Văn	Hùng	19/10/2004	QT10A	42					
7	000171	1001030577	Bùi Thị Thanh	Huyền	24/03/2004	QT10A	42					
8	000172	1001030579	Đỗ Thanh	Huyền	31/03/2004	QT10A	42					
9	000173	1001030583	Nguyễn Thị	Huyền	29/03/2003	QT10A	42					
10	000174	1001030593	Hoàng Tiến	Lâm	30/10/2004	QT10A	42					
11	000175	0901030558	Nguyễn Thùy	Linh	11/10/2003	QT10A	42					
12	000176	1001031647	Trần Phương	Linh	13/11/2004	QT10A	42					
13	000177	1001030626	Nguyễn Văn	Mạnh	04/04/2004	QT10A	42					
14	000178	1001030634	Vũ Huy	Nam	08/08/2004	QT10A	42					
15	000179	1001030636	Đào Thị	Ngân	26/12/2004	QT10A	42					
16	000180	1001030646	Phạm Thị Bích	Ngọc	09/12/2004	QT10A	42					
17	000181	1001030651	Hoàng Thị Quỳnh	Như	16/01/2004	QT10A	42					
18	000182	1001030659	Hoàng Xuân	Phong	21/12/2004	QT10A	42					
19	000183	1001030668	Nguyễn Thị Thu	Phương	13/12/2004	QT10A	42					
20	000184	1001030672	Nguyễn Minh	Quân	20/02/2004	QT10A	42					
21	000185	1001030684	Nguyễn Trọng	Tài	25/08/2004	QT10A	42					
22	000186	1001031303	Đỗ Phương	Thanh	31/07/2004	QT10A	42					
23	000187	1001031759	Nguyễn Phương	Thảo	27/10/2004	QT10A	42					
24	000188	1001031394	Vũ Thị	The	12/03/2004	QT10A	42					
25	000189	1001030704	Trịnh Văn	Thuận	25/10/2004	QT10A	42					
26	000190	1001031452	Bùi Thị	Thùy	12/12/2004	QT10A	42					
27	000191	1001030711	Lê Công	Toàn	26/08/2004	QT10A	42					
28	000192	1001030713	Lý Thu	Trà	12/01/2004	QT10A	42					
29	000193	1001030718	Đoàn Thị Khánh	Trang	07/05/2004	QT10A	42					
30	000194	1001031576	Lương Thị Quỳnh	Trang	11/09/2004	QT10A	42					
31	000195	1001030720	Nguyễn Thị Kiều	Trang	28/03/2004	QT10A	42					
32	000196	1001031730	Vũ Huyền	Trang	14/11/2004	QT10A	42					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000197	1001030730	Đặng Quốc	Tuấn	13/09/2004	QT10A	42					
2	000198	1001031328	Nguyễn Thị Chà	Vi	11/02/2004	QT10A	42					
3	000199	1001030743	Bùi Thị Hải	Yến	28/01/2004	QT10A	42					
4	000200	1001031747	Phạm Huy	Hoàng	23/10/1996	QT10A	43					
5	000201	1001030462	Bùi Thị Lan	Anh	04/04/2004	QT10B	43					
6	000202	1001030466	Đỗ Phương	Anh	24/11/2004	QT10B	43					
7	000203	1001030470	Hoàng Bá Nam	Anh	24/09/2004	QT10B	43					ĐK
8	000204	1001030493	Doãn Thị Minh	Ánh	16/09/2004	QT10B	43					
9	000205	1001031197	Lê Thị Nhật	Ánh	25/05/2004	QT10B	43					
10	000206	1001030496	Nguyễn Đức	Biên	27/09/2004	QT10B	43					HP
11	000207	1001030500	Phạm Thị Phương	Chi	09/08/2004	QT10B	43					
12	000208	1001030502	Phạm Minh	Chiến	23/09/2004	QT10B	43					
13	000209	1001030504	Hà Văn	Chung	30/06/2003	QT10B	43					
14	000210	1001030505	Phan Thành	Công	02/01/2004	QT10B	43					
15	000211	1001031207	Trương Mạnh	Cường	10/02/2004	QT10B	43					
16	000212	1001030513	Phùng Văn	Đạt	22/12/2004	QT10B	43					
17	000213	1001030517	Nguyễn Hoàng	Diệu	27/01/2004	QT10B	43					
18	000214	1001030524	Phạm Văn Trung	Đức	08/12/2004	QT10B	43					ĐK
19	000215	1001030527	Đinh Tiến	Dũng	12/02/2004	QT10B	43					
20	000216	1001030531	Đoàn Quang	Duy	29/12/2004	QT10B	43					
21	000217	1001030538	Nguyễn Thu	Hà	17/08/2004	QT10B	43					
22	000218	1001030539	Nguyễn Việt	Hà	02/04/2004	QT10B	43					
23	000219	1001030546	Trần Thị Mỹ	Hạnh	22/11/2003	QT10B	43					
24	000220	1001030552	Nguyễn Thị Thu	Hiền	22/05/2004	QT10B	43					
25	000221	1001030560	Đặng Quang	Hoá	06/02/2004	QT10B	43					
26	000222	1001031237	Đỗ Thu	Hương	08/09/2004	QT10B	43					
27	000223	1001030575	Vũ Đức Quang	Huy	27/10/1999	QT10B	43					HP,ĐK
28	000224	1001031246	Lô Ngọc	Huyền	06/10/2004	QT10B	43					
29	000225	1001030584	Nguyễn Thị Thu	Huyền	24/09/2004	QT10B	43					
30	000226	1001030590	Tạ Ngọc	Khánh	20/11/2004	QT10B	43					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000227	1001031238	Lã Thị	Hương	12/08/2001	QT10A	44					
2	000228	1001030805	Đỗ Ngọc	Linh	15/08/2004	QT10B	44					
3	000229	1001031258	Nguyễn Thùy	Linh	08/12/2004	QT10B	44					
4	000230	1001031391	Phạm Thuỳ	Linh	14/07/2004	QT10B	44					
5	000231	1001030616	Đỗ Thị Khánh	Ly	02/05/2004	QT10B	44					
6	000232	1001030629	Phạm Thị Trà	My	29/06/2004	QT10B	44					
7	000233	1001030904	Cao Quỳnh	Nga	08/01/2004	QT10B	44					
8	000234	1001031276	Cao Hồng	Ngọc	19/06/2004	QT10B	44					
9	000235	1001030645	Nguyễn Văn	Ngọc	04/12/2004	QT10B	44					
10	000236	1001031459	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	21/11/2004	QT10B	44					
11	000237	1001030649	Nguyễn Thị	Nhâm	10/02/2004	QT10B	44					
12	000238	1001030650	Ngô Yến	Nhi	02/03/2004	QT10B	44					
13	000239	1001030656	Lê Thị Lâm	Oanh	08/09/2004	QT10B	44					
14	000240	1001030666	Lý Thu	Phương	10/09/2004	QT10B	44					
15	000241	1001030673	Vương Minh	Quân	11/09/2004	QT10B	44					
16	000242	1001030681	Nguyễn Hữu	Son	08/12/2004	QT10B	44					
17	000243	1001030689	Nguyễn Hữu	Thắng	04/07/2004	QT10B	44					
18	000244	1001030692	Dương Trường	Thành	26/09/2004	QT10B	44					
19	000245	1001030706	Trịnh Thị	Thuy	20/12/2004	QT10B	44					
20	000246	1001030708	Chu Thủy	Tiên	13/01/2001	QT10B	44					
21	000247	1001030717	Đinh Thị Thùy	Trang	12/01/2004	QT10B	44					
22	000248	1001030719	Hà Thị Thùy	Trang	07/10/2004	QT10B	44					
23	000249	1001031471	Nguyễn Thị	Trang	24/09/2004	QT10B	44					
24	000250	1001031389	Nguyễn Thị Thu	Trang	22/11/2004	QT10B	44					
25	000251	1001030729	Chữ Quốc	Tuấn	30/03/2004	QT10B	44					
26	000252	1001030732	Vũ Văn	Tuấn	02/01/2004	QT10B	44					
27	000253	1001031178	Đỗ Thị Thảo	Anh	08/06/2004	QM10A	45					
28	000254	1001030481	Nguyễn Thành Nam	Anh	31/12/2004	QM10A	45					
29	000255	1001030488	Vũ Hồng	Anh	12/11/2004	QM10A	45					
30	000256	1001031621	Vũ Thị Vân	Anh	04/05/2004	QM10A	45					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000257	1001031623	Nguyễn Văn	Bình	12/08/2004	QM10A	45					
2	000258	1001030510	Đỗ Tiến	Đạt	30/06/2004	QM10A	45					
3	000259	1001030528	Đào Thùy	Dương	21/11/2004	QM10A	45					
4	000260	1001031217	Vương Thùy	Giang	11/09/2004	QM10A	45					
5	000261	1001031218	Ma Thị	Hằng	24/05/2004	QM10A	45					
6	000262	1001030547	Đào Anh	Hào	15/01/2003	QM10A	45					
7	000263	1001030554	Phạm Thúy	Hiền	11/04/2004	QM10A	45					
8	000264	1001031636	Hà Trung	Hiếu	28/11/2004	QM10A	45					
9	000265	1001030562	Lê Phương	Hòa	29/07/2004	QM10A	45					HP
10	000266	1001030574	Phạm Đức Quang	Huy	23/09/2004	QM10A	45					
11	000267	1001030576	Vũ Quang	Huy	02/03/2004	QM10A	45					
12	000268	1001031248	Nguyễn Hữu	Khang	19/09/2004	QM10A	45					
13	000269	1001030599	Lê Thị	Linh	15/01/2004	QM10A	45					
14	000270	1001030604	Nguyễn Mai	Linh	10/08/2004	QM10A	45					
15	000271	1001030611	Trần Mai	Linh	07/05/2004	QM10A	45					
16	000272	1001030614	Trịnh Đức	Long	02/07/2004	QM10A	45					
17	000273	1001031269	Trần Thị Tuyết	Mai	01/03/2004	QM10A	45					
18	000274	1001030648	Nguyễn Trung	Nguyen	10/09/2003	QM10A	46					
19	000275	1001030657	Nguyễn Ngọc	Oanh	28/08/2004	QM10A	46					
20	000276	1001030662	Đỗ Hoàng	Phúc	11/10/2004	QM10A	46					
21	000277	1001030669	Phạm Thị Thu	Phương	15/01/2004	QM10A	46					
22	000278	1001031395	Trần Thị	Quỳnh	17/02/2004	QM10A	46					
23	000279	1001030680	Nguyễn Quang	Sang	05/04/2004	QM10A	46					
24	000280	1001030682	Nguyễn Tiến	Sỹ	23/11/2004	QM10A	46					
25	000281	1001031304	Lê Phương	Thanh	29/04/2004	QM10A	46					
26	000282	1001030691	Vương Thị Mai	Thanh	15/02/2004	QM10A	46					
27	000283	1001031397	Mai Phương	Thảo	07/10/2004	QM10A	46					
28	000284	1001030696	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	20/09/2004	QM10A	46					
29	000285	1001030697	Nguyễn Phương	Thảo	29/11/2004	QM10A	46					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000286	1001031666	Nguyễn Thị Phương	Thảo	13/05/2004	QM10A	46					
2	000287	1001030701	Trương Thị	Thoan	09/09/2003	QM10A	46					
3	000288	1001030705	Nguyễn Thị	Thương	16/07/2004	QM10A	46					
4	000289	1001031676	Lê Thị Hà	Trang	10/07/2004	QM10A	46					
5	000290	1001031322	Hà Thị Thanh	Trúc	13/01/2004	QM10A	46					
6	000291	1001030725	Chu Quyết	Trường	16/06/2004	QM10A	46					
7	000292	1001030731	Nguyễn Hữu Minh	Tuấn	15/11/2004	QM10A	46					
8	000293	1001031400	Nguyễn Thị Kim	Uyên	03/04/2004	QM10A	46					
9	000294	1001031392	Đàm Thị Kiều	Xuân	26/09/2004	QM10A	46					
10	000295	1001030742	Nguyễn Như	Ý	27/01/2004	QM10A	46					
11	000296	1001030748	Tô Ngọc Hà	An	29/05/2004	QM10B	47					
12	000297	1001030475	Nguyễn Hải	Anh	08/07/2004	QM10B	47					
13	000298	1001030482	Nguyễn Thị Hải	Anh	06/09/2004	QM10B	47					
14	000299	1001031189	Nguyễn Việt	Anh	20/10/2004	QM10B	47					
15	000300	1001030489	Vũ Quỳnh	Anh	28/11/2004	QM10B	47					
16	000301	1001030506	Đoàn Tuấn	Cường	25/10/2004	QM10B	47					
17	000302	1001030514	Vương Thành	Đạt	01/11/2004	QM10B	47					ĐK
18	000303	1001030535	Lê Ninh	Giang	27/08/2004	QM10B	47					
19	000304	1001030540	Hoàng Trung	Hải	22/03/2004	QM10B	47					
20	000305	1001030545	Tạ Thị	Hằng	24/08/2004	QM10B	47					
21	000306	1001030549	Nguyễn Thị Mai	Hậu	11/04/2004	QM10B	47					
22	000307	1001031635	Nguyễn Thế	Hiệp	24/04/2001	QM10B	47					
23	000308	1001030556	Lê Đức	Hiếu	25/10/2004	QM10B	47					
24	000309	1001030564	Nguyễn Huy	Hoàng	12/10/2004	QM10B	47					
25	000310	1001030568	Trần Thu	Hường	11/10/2004	QM10B	47					
26	000311	1001030570	Hoàng Thế	Huy	02/11/2004	QM10B	47					
27	000312	1001030573	Nguyễn Quang	Huy	09/08/2004	QM10B	47					HP
28	000313	1001031398	Trần Sỹ Quang	Huy	27/04/2004	QM10B	47					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2023-2024**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 3

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000314	1001030582	Nguyễn Khánh	Huyền	26/10/2004	QM10B	47					
2	000315	1001030587	Phan Thị Thanh	Huyền	10/11/2004	QM10B	47					
3	000316	1001030592	Nguyễn Trung	Kiên	31/08/2004	QM10B	47					
4	000317	1001030598	Dương Thị Thuỳ	Linh	06/01/2004	QM10B	47					
5	000318	1001030600	Lưu Thị Khánh	Linh	02/09/2004	QM10B	47					
6	000319	1001030606	Nguyễn Thùy	Linh	01/10/2004	QM10B	48					
7	000320	1001030613	Hồ Tuấn	Long	06/04/2004	QM10B	48					
8	000321	1001030620	Lê Thị	Ly	12/10/2004	QM10B	48					
9	000322	1001030625	Vũ Thị	Mai	26/08/2004	QM10B	48					
10	000323	1001030642	Nguyễn Hoài	Ngọc	09/11/2004	QM10B	48					
11	000324	1001030644	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	04/11/2004	QM10B	48					
12	000325	1001030652	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	25/12/2004	QM10B	48					
13	000326	1001030661	Nguyễn Hà	Phong	09/01/2004	QM10B	48					
14	000327	1001031464	Nguyễn Hà	Phương	06/08/2004	QM10B	48					
15	000328	1001030674	Nguyễn Văn	Quý	09/11/2000	QM10B	48					
16	000329	1001030679	Trần Khánh	Quỳnh	01/11/2004	QM10B	48					
17	000330	1001030686	Lê Thị	Tâm	11/04/2004	QM10B	48					
18	000331	1001030690	Nguyễn Hồng	Thanh	04/04/2004	QM10B	48					HP
19	000332	1001030693	Nguyễn Thị	Thành	24/02/2004	QM10B	48					
20	000333	1001030698	Nguyễn Thanh	Thảo	03/07/2004	QM10B	48					
21	000334	1001031307	Đặng Duy	Thế	10/09/2004	QM10B	48					
22	000335	1001030703	Thân Thị Hoàng	Thu	10/08/2004	QM10B	48					
23	000336	1001030709	Nguyễn Thủy	Tiên	22/12/2004	QM10B	48					
24	000337	1001030712	Trần Đức	Toàn	16/08/2004	QM10B	48					
25	000338	1001030721	Nguyễn Thu	Trang	25/02/2004	QM10B	48					
26	000339	1001031326	Nguyễn Thị Tố	Uyên	26/11/2004	QM10B	48					
27	000340	1001030737	Đặng Quốc	Việt	24/12/2004	QM10B	48					
28	000341	1001030741	Trương Thị Thanh	Xuân	20/01/2004	QM10B	48					
29	000342	1001030744	Dương Thị Hải	Yến	22/11/2004	QM10B	48					ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2